

**KẾT QUẢ**  
**KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)**  
**(Đợt 03 năm 2026, 28/03/2026)**  
**(Ban hành theo Quyết định số 1833/MYH26/VHU/QĐ ngày 11 tháng 05 năm 2026)**

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.03.001	221A140471	Phan Đoàn Khánh	Duy	17/06/2004	Vĩnh Long	6.0	8.7	5.3	6.0	26.0	6.5	Đạt	Bảo lưu: Nói: 6.0
2	VHU.TAC1.03.002	211A140059	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	14/08/2003	Khánh Hoà	6.0	3.0	1.1	3.0	13.1	3.3	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.0 Trừ 50% điểm (Nghe - Đọc - Viết)
3	VHU.TAC1.03.003	211A140068	Nguyễn Thanh	Hải	13/02/2003	Vĩnh Long	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
4	VHU.TAC1.03.004	221A140198	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	03/06/2004	Khánh Hoà	7.0	2.8	3.5	3.0	16.3	4.1	Rớt	
5	VHU.TAC1.03.005	191A140083	Nguyễn Trần Trung	Hiếu	15/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	6.6	4.5	3.5	20.6	5.2	Đạt	
6	VHU.TAC1.03.006	221A140053	Vòng Gíp	Linh	07/05/2004	Thành phố Đồng Nai	3.8	1.7	2.0	3.0	10.5	2.6	Rớt	
7	VHU.TAC1.03.007	201A140061	Thân Nguyễn Khánh	Mai	12/02/2002	Thành phố Đồng Nai	5.0	5.9	5.3	3.0	19.2	4.8	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0; Đọc: 5.3
8	VHU.TAC1.03.008	221A140124	Nguyễn Thị Thuý	Nga	23/08/2004	Thành phố Đồng Nai	5.5	9.6	6.2	4.0	25.3	6.3	Đạt	
9	VHU.TAC1.03.009	221A140415	Trần Thảo	Ngân	05/12/2004	Gia Lai	5.0	5.0	2.4	0.2	12.6	3.1	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0; Nghe: 5.0 Trừ 50% điểm (Đọc - Viết)
10	VHU.TAC1.03.010	221A140025	Lê Nguyễn Thanh	Ngân	22/09/2004	Vĩnh Long	4.8	6.6	5.3	2.0	18.7	4.7	Rớt	
11	VHU.TAC1.03.011	221A140117	Lâm Hồng	Ngân	17/03/2004	Cà Mau	2.0	1.7	2.8	2.0	8.5	2.1	Rớt	
12	VHU.TAC1.03.012	201A140232	Nguyễn Hoàng Xuân	Ngân	10/09/2002	Lâm Đồng	5.0	5.3	3.4	3.5	17.2	4.3	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.0; Nghe: 5.3
13	VHU.TAC1.03.013	211A170107	Trần Thị Ngọc	Ngân	15/10/2003	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
14	VHU.TAC1.03.014	221A140028	Lê Thị Bảo	Ngọc	18/11/2004	Quảng Trị	8.5	8.7	4.8	4.3	26.3	6.6	Đậu	
15	VHU.TAC1.03.015	221A140091	Lý Ái	Nguyên	20/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	2.8	3.5	3.9	1.3	11.5	2.9	Rớt	
16	VHU.TAC1.03.016	201A140312	Huỳnh Đăng Khang	Nguyên	09/11/2002	Lâm Đồng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
17	VHU.TAC1.03.017	181A140461	Nguyễn Kiều Minh	Nguyệt	07/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	3.0	2.5	0.5	12.0	3.0	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.0
18	VHU.TAC1.03.018	211A140437	Võ Thành	Nhân	22/03/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh	9.5	7.9	5.3	4.8	27.5	6.9	Đậu	
19	VHU.TAC1.03.019	211A140187	Nguyễn Trần Thuý	Nhi	28/08/2003	Lâm Đồng	Vắng	4.0	1.4	0.5	5.9	1.5	Rớt	
20	VHU.TAC1.03.020	211A140063	Đoàn Thị Hồng	Nhung	24/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.3	1.8	2.2	3.5	12.8	3.2	Rớt	
21	VHU.TAC1.03.021	221A140022	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/01/2004	Tây Ninh	5.5	8.6	5.3	6.5	25.9	6.5	Đậu	
22	VHU.TAC1.03.022	221A140574	Mai Bùi Phương	Nhung	25/12/2004	Khánh Hoà	8.5	9.2	7.0	6.5	31.2	7.8	Đậu	
23	VHU.TAC1.03.023	221A140141	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	09/04/2004	Đồng Tháp	6.8	3.8	4.2	3.5	18.3	4.6	Rớt	
24	VHU.TAC1.03.024	211A140455	Nguyễn Hải	Phú	16/12/1997	Đắk Lắk	6.0	8.6	3.6	3.5	21.7	5.4	Đậu	
25	VHU.TAC1.03.025	221A140608	Trần Hoàng	Phúc	29/11/2003	Thành phố Hải Phòng	6.0	5.4	5.6	4.3	21.3	5.3	Đậu	
26	VHU.TAC1.03.026	221A070006	Phạm Nguyễn Thy	Phương	08/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	2.3	3.0	2.0	0.5	7.8	2.0	Rớt	
27	VHU.TAC1.03.027	221A140443	Đào Thị Diễm	Quỳnh	05/08/2004	Gia Lai	4.3	6.3	5.0	3.0	18.6	4.7	Rớt	
28	VHU.TAC1.03.028	211A140509	Đặng Vĩnh	Thái	10/06/2003	An Giang	6.5	7.1	3.1	2.5	19.2	4.8	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.5
29	VHU.TAC1.03.029	221A140040	Nguyễn Quốc	Thái	20/09/2004	Tây Ninh	9.3	10.0	6.4	6.8	32.5	8.1	Đậu	
30	VHU.TAC1.03.030	211A140358	A	Thăng	20/09/1996	Quảng Ngãi	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
31	VHU.TAC1.03.031	221A140075	Phan Thanh	Thảo	13/11/2004	Đồng Tháp	4.0	5.8	3.1	3.5	16.4	4.1	Rớt	
32	VHU.TAC1.03.032	211A140310	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo	19/12/2003	Đồng Tháp	6.0	1.8	1.1	3.5	12.4	3.1	Rớt	
33	VHU.TAC1.03.033	221A140565	Nguyễn Minh	Thiên	26/10/2004	Khánh Hoà	7.3	6.9	5.3	5.0	24.5	6.1	Đậu	
34	VHU.TAC1.03.034	221A140482	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/03/2004	Đồng Tháp	6.5	8.6	6.4	5.0	26.5	6.6	Đậu	
35	VHU.TAC1.03.035	221A140564	Nguyễn Minh	Thư	26/10/2004	Khánh Hoà	5.3	7.8	5.6	4.0	22.7	5.7	Đậu	
36	VHU.TAC1.03.036	221A140526	Nguyễn Thị Mộng	Thường	05/10/2004	Gia Lai	6.5	4.3	2.8	4.0	17.6	4.4	Rớt	
37	VHU.TAC1.03.037	171A140079	Nguyễn Thị Anh	Thúy	13/06/1998	Đồng Tháp	Vắng	Vắng	5.3	Vắng	5.3	1.3	Rớt	Vắng Bảo lưu: Đọc: 5.3
38	VHU.TAC1.03.038	201A140238	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	04/12/2002	Thành phố Đồng Nai	0.0	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	
39	VHU.TAC1.03.039	221A140178	Phạm Lê Thanh	Thùy	06/07/2004	Khánh Hoà	5.0	9.2	5.0	5.0	24.2	6.1	Đậu	
40	VHU.TAC1.03.040	181A140079	Tô Trọng	Tín	02/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	3.3	3.1	2.5	14.9	3.7	Rớt	
41	VHU.TAC1.03.041	201A140170	Lê Võ Ngọc	Trà	10/04/2002	Lâm Đồng	3.5	4.3	2.8	3.3	13.9	3.5	Rớt	
42	VHU.TAC1.03.042	221A140367	Nguyễn Bảo	Trâm	06/07/2004	An Giang	7.3	8.4	3.6	4.0	23.3	5.8	Đậu	
43	VHU.TAC1.03.043	221A140228	Nguyễn Thị Hà	Trân	08/08/2004	Đồng Tháp	6.0	6.3	6.4	5.5	24.2	6.1	Đậu	
44	VHU.TAC1.03.044	211A140144	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	12/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	3.8	4.0	3.1	2.5	13.4	3.4	Rớt	
45	VHU.TAC1.03.045	181A140132	Tô Thùy	Trang	06/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	4.5	8.9	6.4	4.8	24.6	6.2	Đậu	
46	VHU.TAC1.03.046	221A140127	Võ Ngọc Diễm	Trang	23/03/2004	Cà Mau	2.0	0.7	0.8	0.3	3.8	1.0	Rớt	
47	VHU.TAC1.03.047	201A140122	Châu Hồ Ngọc	Trinh	23/02/2002	Lâm Đồng	3.5	7.3	4.5	0.3	15.6	3.9	Rớt	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
48	VHU.TAC1.03.048	221A140093	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trinh	07/03/2004	Thành phố Đồng Nai	4.3	6.9	3.9	4.5	19.6	4.9	Rớt	
49	VHU.TAC1.03.049	211A140215	Nguyễn Hồ Khả	Tú	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
50	VHU.TAC1.03.050	211A140413	Nguyễn Thị Hồng	Tuyên	10/01/2003	Lâm Đồng	5.5	7.4	3.4	3.0	19.3	4.8	Rớt	Bảo lưu: Nói: 5.5
51	VHU.TAC1.03.051	221A140303	Trần Ngọc Thảo	Vy	24/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	4.3	6.6	4.5	3.0	18.4	4.6	Rớt	
52	VHU.TAC1.03.052	221A140006	Qua Úc Thảo	Yến	27/09/2002	Lâm Đồng	4.5	2.3	3.4	2.0	12.2	3.1	Rớt	
53	VHU.TAC1.03.053	211A140274	Dương Hồng	Yến	22/05/2003	Tây Ninh	6.0	3.6	4.8	0.5	14.9	3.7	Rớt	Bảo lưu: Nói: 6.0

Tổng số thí sinh theo danh sách: 53

Số thí sinh dự kiểm tra: 47

Số thí sinh vắng kiểm tra: 06

Số thí sinh đậu: 17

Số thí sinh rớt: 30

**Hiệu trưởng**

*(Đã ký)*

**PGS. TS. Nguyễn Minh Đức**